

Diễn biến thị trường ngày 23.02.2017

Thị trường tiếp tục duy trì thanh khoản vượt trội, trên 4,000 tỷ đồng, nhưng các chỉ số hôm nay đã có một phiên giao dịch kém khả quan. VN-Index mở cửa tăng điểm nhẹ, nhưng nhanh chóng quay đầu giảm điểm ngay trong phiên buổi sáng khi áp lực chốt lời thể hiện rõ tại các mã BĐS như NVL hay VIC sau chuỗi tăng giá thời gian qua. Nhóm cổ phiếu các ngân hàng quốc doanh, ngoại trừ BID, cũng góp phần khiến chỉ số giảm mạnh. Trong phiên buổi chiều, có lúc VN-Index đã giảm đến hơn 4 điểm, trước khi nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn như VNM, MWG, FPT phục hồi kéo thị trường trở lại mức 716.87 điểm vào thời điểm kết phiên. GAS, SAB, ROS và HPG đóng góp phần lớn để giữ điểm thị trường. Ở chiều ngược lại là VIC, BVH, BHN...

Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành hạ tầng và xây dựng. HBC (+5%) tiếp tục đà tăng các phiên vừa qua sau khi liên tục đưa tin về các dự án mới, mà gần đây nhất là gói thầu trị giá gần 1,000 tỷ đồng với KDH tại dự án chung cư cao cấp tại Quận 9. CII (+6.1%) tiếp tục hút dòng tiền và tăng điểm tốt, trong khi FCN (+6.9%) có phiên tăng trần với giao dịch đột biến.

Ngành dệt may đang trở lại sau khi câu chuyện TPP kết thúc. TCM tăng trần với giao dịch lớn, trong khi STK cũng tăng trần nhưng với thanh khoản thấp.

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	716.87	86.27
% thay đổi	-0.05%	-0.41%
Tổng KLGD (triệu CP)	228.28	44.11
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,741.01	405.90
KL Dư mua (triệu CP)	153.44	39.87
KL Dư bán (triệu CP)	162.35	31.73

HNX-Index giảm 0.41% với thanh khoản thấp hơn phiên trước đến 20%. Diễn biến tiêu cực của PVS với dự báo giá dầu xuống thấp của Ngân hàng ABN AMRO, cùng với lực chốt lời tại VCS và VCG là nguyên nhân chủ yếu của phiên giảm điểm hôm nay trên HNX.

Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL NĐTNN mua (triệu CP)	7.60	0.86
KL bán (triệu CP)	8.79	0.69
GT mua (tỷ đồng)	308.08	11.74
GT bán (tỷ đồng)	332.50	8.90
KL mua/bán ròng (triệu CP)	(1.19)	0.17
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	(24.42)	2.84

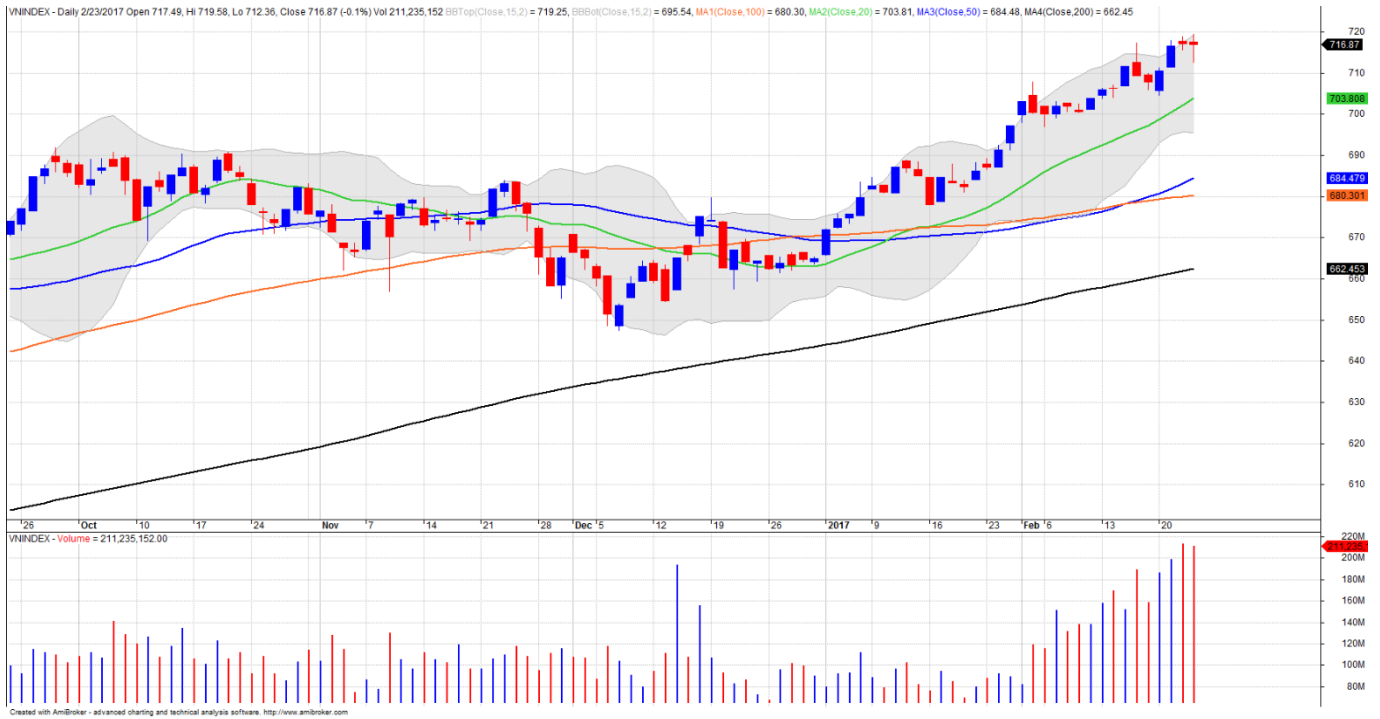
Một số cổ phiếu đáng chú ý khác: HVN (-10.9%) giảm mạnh sau khi Techcombank đăng ký bán toàn bộ 21 triệu cổ phần đang nắm giữ.

Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4.48	1.61
P/E	16.47	10.98
Beta	0.92	0.87
ROE	19.6%	14.8%
ROA	10.7%	6.1%

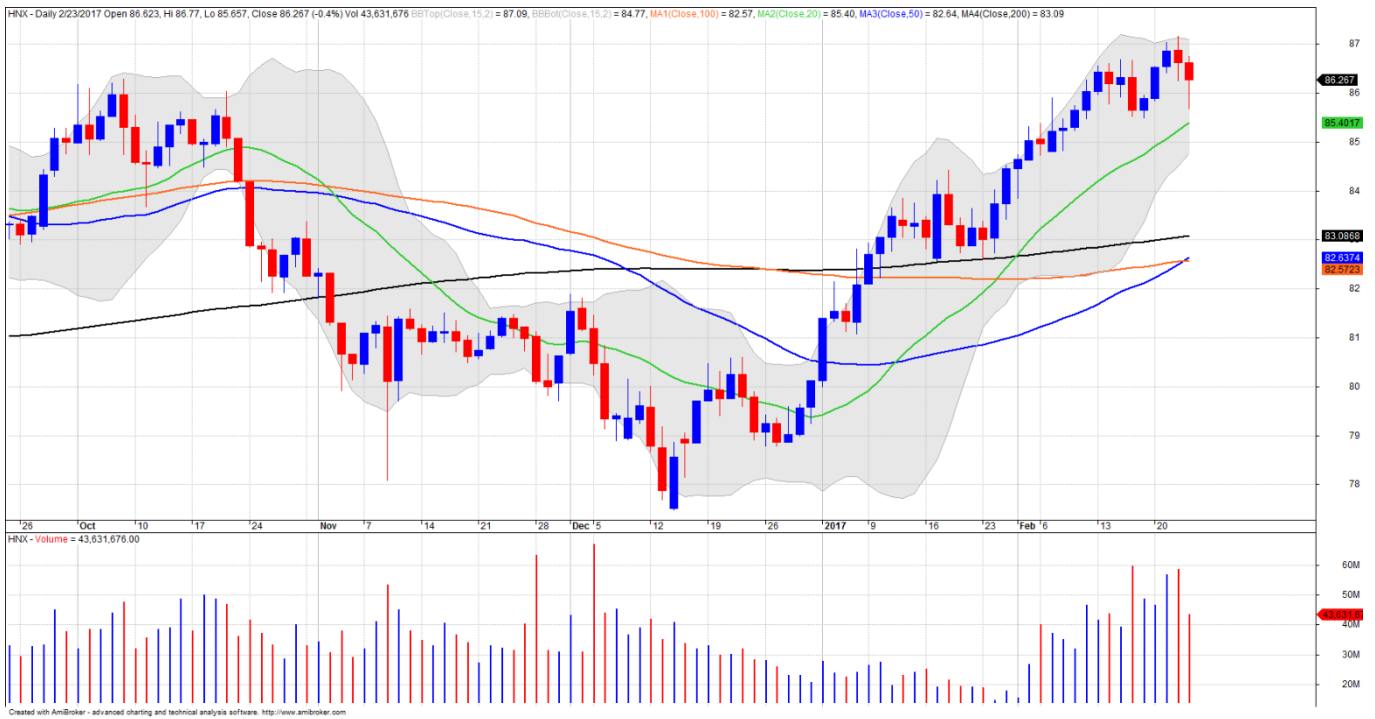
Nhận định: thị trường có vẻ như đang bước vào đỉnh và đang có dấu hiệu phân phối đỉnh khi thị trường biến động nhỏ với thanh khoản cao. Chúng tôi lặp lại khuyến nghị nhà đầu tư nên cẩn trọng, cắt giảm margin và hạn chế mua đối với những cổ phiếu đã tăng nhiều trong thời gian qua.

Phân tích kỹ thuật

VN-Index



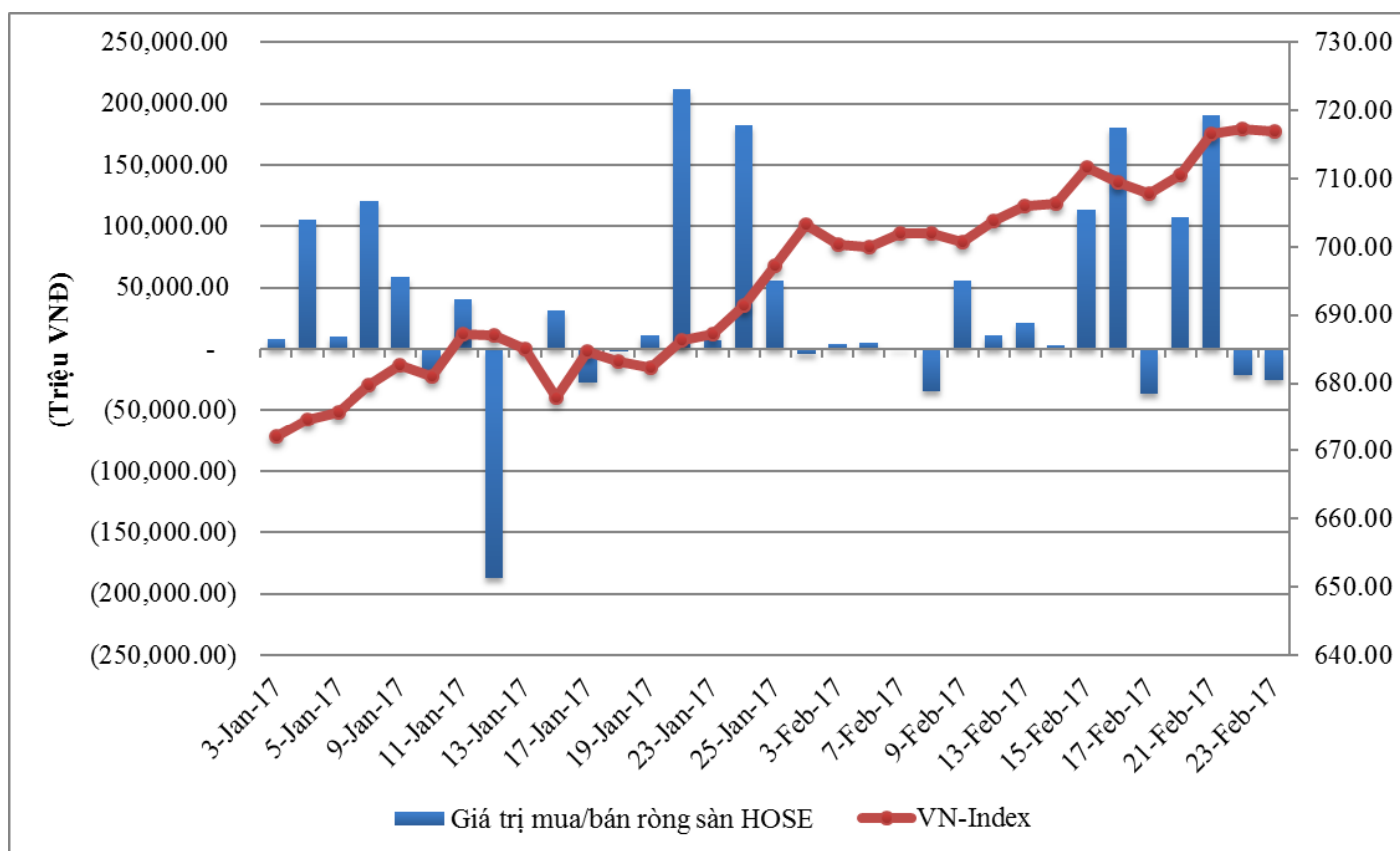
HNX-Index



Nền Doji với bóng nên dài xuất hiện trên đồ thị VN-Index kèm theo khối lượng giao dịch lớn cho thấy sự giằng co giữa lực mua và áp lực bán trên thị trường. Đây là dấu hiệu cho khả năng đảo chiều ngắn hạn của xu hướng tăng thời gian qua.

Trong khi đó, HNX-Index có vẻ như đã xác nhận xu hướng giảm sau khi không thể chinh phục mức kháng cự 87 điểm. Hỗ trợ hiện tại của chỉ số là ở vùng 83 điểm.

Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

- Theo thông báo của Sở GDCK Hà Nội, ngày 28/02/2017 sẽ là ngày giao dịch đầu tiên của 45 triệu cp CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi với mã chứng khoán BSQ, giá tham chiếu 22,600 đồng/cp, mã giao dịch là BSQ tại thị trường UPCoM. CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi được thành lập năm 2005 để thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất Bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn tại Khu công nghiệp Quảng Phú thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Vốn điều lệ ban đầu là 450 tỷ đồng, đến nay Công ty chưa thực hiện tăng vốn lần nào và hiện Công ty mẹ Sabeco là cổ đông lớn duy nhất với tỷ lệ sở hữu 66.56% vốn.
- HĐQT CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Novaland (HOSE: NVL) đã thống nhất sẽ nhận chuyển nhượng 99.99% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Bất động sản Bách Hợp, tương đương 213 tỷ đồng.

- Ngày 21/2/2017, CTCP Tập đoàn F.I.T (HOSE: FIT) đã có thông báo về việc đăng ký mua vào 3 triệu cổ phiếu DCL của CTCP Dược phẩm Cửu Long. Thời gian đăng ký giao dịch dự kiến từ ngày 24/2/2017 đến ngày 23/3/2017. Với kế hoạch này, sau khi hoàn tất mua vào, F.I.T sẽ nâng sở hữu tại Dược Cửu Long lên mức 69.95% vốn điều lệ thay vì mức 64.62% vốn điều lệ như hiện nay.

Điểm tin vĩ mô

- Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Năm, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 4 trên sàn Nymex vọt 86 xu (tương đương 1.6%) lên 54.45 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 4 trên sàn London cộng 74 xu (tương đương 1.3%) lên 56.58 USD/thùng. Dầu leo dốc sau khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết nguồn cung dầu thô nội địa đạt 600,000 thùng trong tuần kết thúc ngày 17/02/2017, trái ngược hoàn toàn với dự báo giảm 884,000 thùng của Viện Xăng dầu Mỹ (API) và thấp hơn rất nhiều so với dự báo leo dốc 3.4 triệu thùng từ các nhà phân tích tham gia cuộc thăm dò của The Wall Street Journal.
- Ở một diễn biến khác, ngân hàng ABN Amro Bank NV cho rằng giá dầu thô có thể rơi xuống mức 30 USD/thùng, tức giảm hơn 40% so với mức 55-57 USD/thùng hiện nay. Viễn cảnh này có thể xảy ra nếu Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu lửa (OPEC) không kéo dài thỏa thuận cắt giảm sản lượng đạt được hồi tháng 11-12/2016.

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ROS	145,600	0.69%	3,076,690	446,634
2	FLC	7,450	6.43%	34,472,920	249,196
3	HPG	40,600	1.00%	4,527,400	183,215
4	HBC	49,650	4.97%	2,967,060	145,944
5	NVL	65,900	-0.45%	1,538,930	101,388
6	CII	38,100	6.13%	2,563,610	94,417
7	HAG	8,140	0.25%	10,581,640	87,413
8	GAS	63,000	1.61%	1,381,370	86,777
9	VNM	130,300	-0.08%	613,250	79,588
10	HSG	47,850	-0.73%	1,652,490	79,153

HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VCG	15,600	-1.27%	2,765,654	43,099
2	PVS	19,000	-1.55%	1,449,607	27,558
3	CVT	50,600	-2.13%	501,334	25,608
4	SHN	10,900	0.93%	1,785,267	19,579
5	PGS	18,100	-0.55%	970,408	17,702
6	SHB	5,100	0.00%	3,073,740	15,674
7	HUT	12,500	0.81%	1,186,475	14,752
8	ACB	22,600	0.00%	599,354	13,473
9	HKB	4,300	0.00%	3,038,505	12,724
10	VC3	37,600	-1.57%	282,700	10,589

Top tăng giá HSX (KLGD> 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	FIT	4,640	6.91%	6,951,120	31,214
2	FCN	20,950	6.89%	2,277,200	47,034
3	TCM	20,200	6.88%	1,210,150	22,910
4	CDO	5,610	6.86%	4,225,750	22,335
5	GTN	20,300	6.84%	2,322,330	45,834
6	VPH	10,450	6.63%	358,580	3,747
7	FLC	7,450	6.43%	34,472,920	249,196
8	CII	38,100	6.13%	2,563,610	94,417
9	TTF	7,060	5.69%	987,180	7,039
10	GMD	33,800	5.30%	1,217,850	39,823

Top tăng giá HNX (KLGD>200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	SVN	2,400	9.09%	1,558,401	3,730
2	DPS	2,500	8.70%	414,042	992
3	TTH	7,900	8.22%	1,081,929	8,384
4	SPI	2,700	8.00%	572,815	1,533
5	SD5	9,800	4.26%	264,695	2,635
6	TNG	13,400	3.08%	250,854	3,271
7	TTB	7,000	2.94%	339,300	2,320
8	HHG	9,700	2.11%	346,250	3,302
9	VGS	12,000	1.69%	638,230	7,560
10	SHN	10,900	0.93%	1,785,267	19,579

Top giảm giá sàn HSX (KLGD> 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HID	11,500	-6.88%	3,354,930	39,907
2	TNT	2,510	-6.69%	516,560	1,317
3	KSH	2,130	-6.58%	1,177,790	2,523
4	VNH	1,200	-5.51%	322,020	391
5	BGM	1,240	-4.62%	487,880	592
6	AGR	3,150	-4.55%	422,990	1,354
7	NVT	2,210	-3.91%	458,170	1,004
8	DRH	25,000	-3.85%	312,730	7,984
9	KBC	14,650	-3.62%	4,599,690	68,405
10	VNE	10,300	-3.29%	557,620	5,872

Top giảm giá HNX (KLGD>200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	MBG	4,900	-9.26%	368,710	1,821
2	KSK	1,200	-7.69%	437,900	527
3	ACM	2,000	-4.76%	848,120	1,697
4	KVC	2,400	-4.00%	1,247,110	3,004
5	CTS	8,200	-3.53%	378,210	3,175
6	TEG	9,700	-3.00%	441,800	4,322
7	PHC	12,700	-2.31%	374,200	4,803
8	CEO	12,900	-2.27%	759,410	9,838
9	BCC	17,900	-2.19%	522,826	9,330
10	CVT	50,600	-2.13%	501,334	25,608

Thông kê giao dịch khối ngoại

HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	SAB	51,350	11,596	251,872,092	9.7%
2	VIC	156,270	7,088	498,778,045	10.1%
3	VNM	42,250	5,504	673,930,509	53.6%
4	DPM	167,750	4,075	111,683,916	20.5%
5	DMC	40,030	3,202	14,877,756	57.2%
6	BHS	207,900	2,880	52,697,085	8.3%
7	CII	83,260	2,847	28,754,989	67.8%
8	NKG	70,000	2,588	13,125,458	29.1%
9	MSN	58,900	2,479	205,861,327	30.7%
10	KDC	49,420	1,965	76,697,599	23.9%

HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	API	90,500	1,159	2,593,700	41.9%
2	VCG	33,400	521	179,831,437	8.3%
3	PHC	35,300	459	5,001,268	3.6%
4	VIX	65,200	405	20,594,656	19.6%
5	DBC	10,110	345	17,243,178	26.1%
6	PLC	10,200	293	32,926,994	8.2%
7	PMC	4,200	286	2,327,006	24.1%
8	TNG	19,700	259	9,555,610	21.2%
9	CVT	4,800	250	17,780,126	12.4%
10	HUT	15,000	186	53,551,340	18.6%

Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	HPG	(380,050)	(15,362)	116,749,801	35.2%
2	KBC	(881,820)	(13,137)	87,434,448	31.0%
3	HSG	(227,720)	(10,908)	39,234,993	29.0%
4	PVD	(398,650)	(9,189)	77,206,890	28.9%
5	BMP	(36,770)	(6,912)	29,768	48.9%
6	CTG	(333,000)	(5,934)	1,162,045	30.0%
7	CTD	(27,460)	(5,643)	5,005,941	42.5%
8	BVH	(83,400)	(5,052)	163,596,621	25.0%
9	SSI	(198,960)	(4,291)	212,352,739	56.7%
10	VCB	(66,310)	(2,507)	327,521,375	20.9%

Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PVS	(71,200)	(1,355)	94,910,157	27.8%
2	VND	(36,600)	(480)	2,557,622	47.3%
3	TTH	(59,000)	(473)	6,202,569	1.3%
4	PMS	(4,000)	(116)	1,742,642	24.9%
5	SHB	(21,000)	(103)	202,809,571	10.9%
6	VTV	(5,000)	(96)	15,083,317	0.7%
7	CAP	(2,000)	(67)	2,002,676	6.9%
8	EBS	(5,500)	(54)	3,565,163	14.1%
9	DAD	(2,900)	(46)	1,022,000	28.6%
10	NET	(800)	(26)	5,579,532	24.1%

Thông kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận
Dầu khí	18,659.01	1%	-1.65%	12.71%	17.05	0.73	4.21%	1.86%	-9.29%	-7.61%
Nguyên vật liệu	147,408.47	7%	-0.34%	4.92%	9.62	1.89	17.68%	9.44%	5.28%	14.95%
Công nghiệp	409,545.46	18%	-0.01%	7.46%	20.13	4.43	14.48%	7.47%	15.44%	21.94%
Hàng Tiêu dùng	597,444.18	27%	0.19%	0.62%	19.11	7.05	29.83%	20.17%	15.68%	33.64%
Dược phẩm và Y tế	29,852.20	1%	-0.05%	7.26%	23.54	3.05	21.59%	13.99%	11.05%	39.48%
Dịch vụ Tiêu dùng	104,009.64	5%	-5.84%	0.29%	13.16	3.66	23.64%	7.58%	23.97%	7.52%
Viễn thông	14,533.86	1%	-0.84%	-0.83%	14.22	4.35	29.73%	10.93%	14.35%	44.29%
Tiện ích Cộng đồng	176,166.78	8%	1.56%	6.44%	14.28	2.59	16.03%	10.77%	14.54%	23.54%
Tài chính	342,233.28	15%	-0.64%	8.52%	24.52	2.96	9.31%	3.04%	15.65%	31.98%
Ngân hàng	355,036.46	16%	-0.31%	0.66%	13.56	1.75	11.96%	0.77%	22.95%	52.07%
CNTT	27,581.94	1%	0.29%	3.96%	10.88	1.97	16.41%	6.66%	5.98%	20.48%

TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.16	1,451.42	43.16%	32.89%	189,119.42
2	SAB	SABECO	6,978	32.53	641.28	33.86%	21.92%	145,570.83
3	VCB	Vietcombank	1,897	19.82	3,597.77	14.50%	0.93%	135,276.10
4	GAS	PV Gas	3,704	17.01	1,913.35	16.90%	12.46%	120,540.93
5	VIC	VinGroup	591	76.55	2,637.71	3.78%	0.96%	119,356.28
6	CTG	VIETINBANK	1,828	9.79	3,723.40	11.48%	0.79%	66,648.94
7	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,021	142.55	430.00	10.38%	6.60%	62,608.00
8	BID	BIDV	1,802	9.24	3,418.72	14.74%	0.66%	56,921.61
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	17.07	1,138.26	11.77%	3.85%	48,034.66
10	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1,980	30.55	680.47	9.94%	2.05%	41,168.52

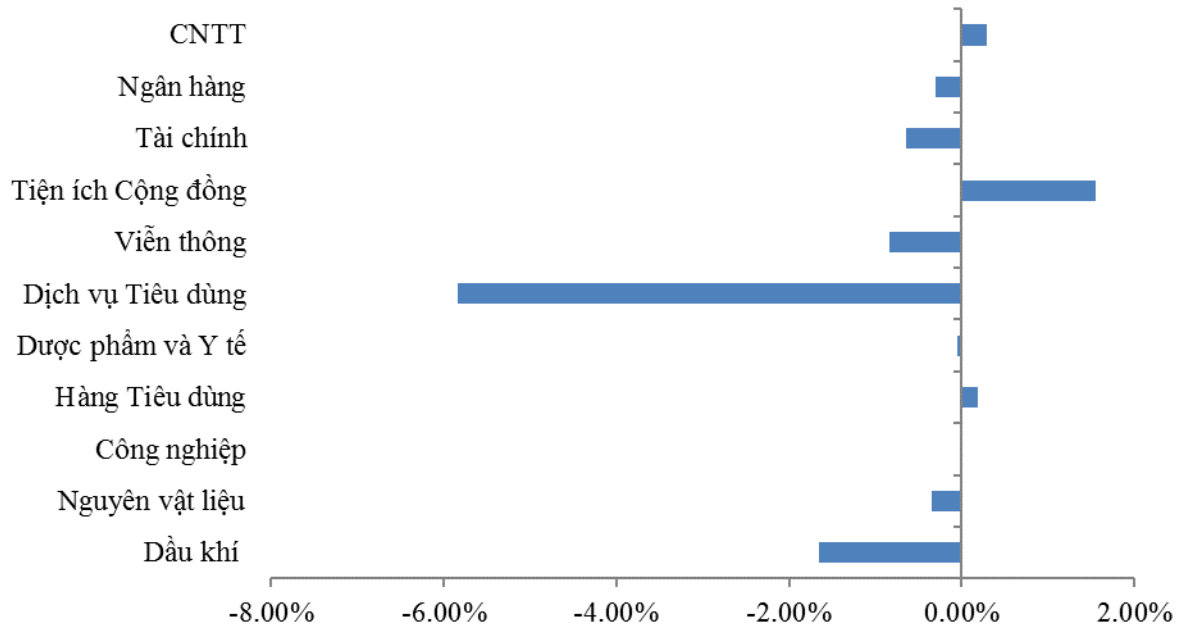
TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	16.81	985.90	9.87%	0.61%	22,281.37
2	VCS	VCS STONE	12,009	12.32	60.00	55.28%	22.09%	8,880.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	8.60	446.70	8.38%	3.80%	8,487.31
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.47	441.71	6.44%	2.21%	6,890.69
5	SHB	SHB	921	5.54	1,119.19	7.66%	0.43%	5,707.88
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	10.35	222.49	7.96%	3.36%	5,584.43
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	13.65	74.37	22.38%	11.90%	5,428.81
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.41	326.96	11.35%	8.44%	5,264.06
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,727	8.74	307.00	12.74%	3.95%	4,635.70
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	12.25	131.08	8.87%	3.74%	2,936.10

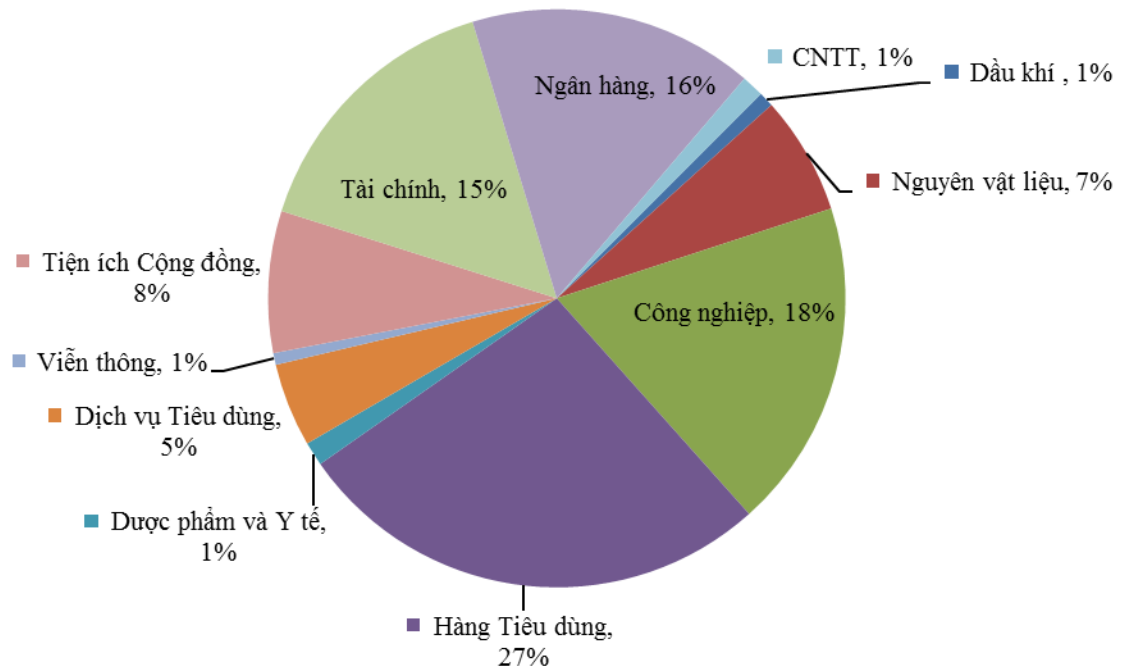
TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

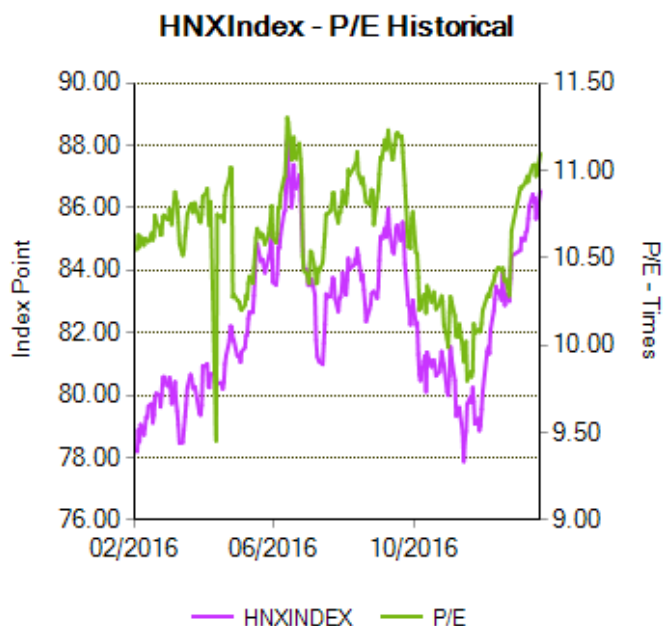
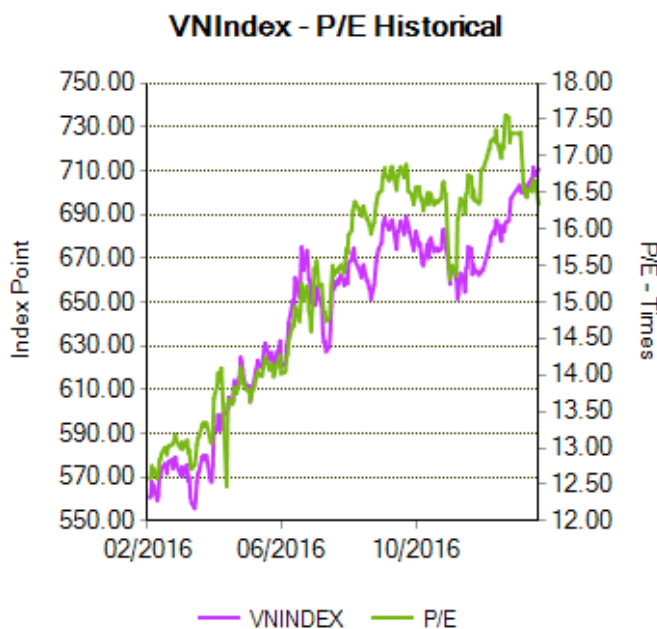
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	51.76	2,177.17	8.33%	3.86%	112,875.55
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	14.85	1,227.53	17.54%	2.69%	45,214.98
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	13.73	538.16	21.66%	15.32%	38,165.24
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	14.72	187.55	43.22%	24.93%	20,886.81
5	FOX	FPT Telecom	6,697	14.88	137.05	30.82%	11.12%	13,654.84
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	104.69	703.54	0.94%	0.41%	11,244.76
7	VIB	VIBBank	900	18.79	564.44	6.47%	0.59%	9,544.13
8	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680.00	0.23%	0.05%	9,520.00
9	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107.30	-6.29%	-4.85%	8,691.22
10	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	184.95	166.60	2.58%	2.56%	8,216.25

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn